TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B B
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : **03 / 2018/ HNGĐ-ST**
Ngày: **06 / 4 / 2018**
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B B-TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Minh
2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Thị Chiêm Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B tham gia phiên tòa :*** Ông Trần Thông, Kiểm sát viên .

Ngày **06** tháng **4** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện B B, xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 235/ 2017/ TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02 / 2018 / QĐXXST – HNGĐ ngày 23/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/ 2018 / QĐST - HNGĐ ngày 14/ 3/ 2018 giữa các đương sự :

-*Nguyên đơn:* Anh Ôn Nhì S , sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn 2 , xã S L, huyện B B, tỉnh Bình Thuận
-*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn B Th, xã Phan Rí Thành, huyện B B, tỉnh Bình Thuận
Có mặt anh S và vắng mặt chị Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai nguyên đơn trình bày :

-Về hôn nhân: Anh Ôn Nhì S và chị Nguyễn Thị Th có tìm hiểu quen nhau khoảng thời gian 3 tháng. Hai bên gia đình chấp nhận tổ chức cưới vào năm 2013. Đăng ký kết hôn tại UBND xã S L năm 2013. Sau khi cưới vợ chồng về ở gia đình anh S cuộc sống bình thường. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, anh S thường bị chị Th mắng chửi vô cớ do bất đồng về ngôn ngữ, chị Th không có trách nhiệm gia đình thường bỏ đi làm ăn xa nên vợ chồng không có tình cảm với nhau và đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Anh S suy nghĩ tình cảm

vợ chồng không còn nữa. Vì vậy anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Th.

-Về con chung: Anh S và chị Th có 01 con chung: Ôn Thị Kim L, sinh ngày 07/6/2014. Hiện nay cháu L đang ở với chị Th. Anh S đồng ý để chị Th tiếp tục nuôi con.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con*:* Tại phiên tòa anh Ôn Nhì S đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con Ôn Thị Kim L, sinh ngày 07/6/2014 mỗi tháng 500.000đông.

- Về tài sản chung và nợ chung: không

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Th Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập và thông báo hợp lệ đến Tòa án để làm việc, nhưng chị Th cố tình không đến nên Tòa án không thể lấy lời khai được.

Tại phiên tòa:

Anh Ôn Nhì S vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B B phát biểu ý kiến đối với vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng qui định tại các điều 28,68, 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70,71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự trong vụ án. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điều 147 BLTTDS năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Anh Ôn Nhì S được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

- Về con chung: Đối với con Ôn Thị Kim L, sinh ngày 07/6/2014, hiện nay đang ở với chị Th để đảm bảo cuộc sống ổn định, đề nghị nên tiếp tục giao cháu L cho chị Th nuôi dưỡng và chấp nhận yêu cầu của anh S cấp dưỡng tiền nuôi con 500.000đồng / tháng cho đến trưởng thành.

-Tài sản chung và nợ chung: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Nguyễn Thị Th đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và tiến hành các thủ tục tố tụng khác, nhưng chị Th không chấp hành theo giấy triệu tập, nên Tòa không lấy lời khai cũng như không tiến hành hòa giải được và đưa ra xét xử là phù hợp với qui định tại khoản 16 Điều 70, khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Th đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị Th.

[2]Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị Th là hợp pháp.

Qúa trình chung sống do chị Nguyễn Thị Th và anh S bất đồng ngôn ngữ, không hiểu nhau, không có trách nhiệm đến gia đình nên vợ chồng cãi vả, mâu thuẫn nhau. Do chị Th cố tình không đến Tòa án và không cung cấp lời khai. Vì vậy, để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với chính quyền địa phương để xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh S và chị Th.Tại buổi làm việc ngày 15/01/2018 chính quyền địa phương đã có ý kiến xác nhận về tình trạng hôn nhân như sau : Cuộc sống vợ chồng giữa anh S và chị Th không hạnh phúc, do bất đồng về ngôn ngữ, chị Th thường đi làm ăn xa, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Hơn nữa vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm năm 2016. Do đó vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S, để anh S có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa anh S và chị Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh S yêu cầu được ly hôn với chị Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi con Ôn Thị Kim L, sinh ngày 07/6/2014. Anh Ôn Nhì S cấp dưỡng tiền nuôi con 500.000đồng / tháng cho đến đủ tròn 18 tuổi.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của anh S trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Mặc khác, do bị đơn cố tình vắng mặt không đến để giải quyết, không cung cấp lời khai. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]Về án phí: Anh Ôn Nhì S chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử *:*

1 - Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ôn Nhì S.

+ Anh Ôn Nhì S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Th .

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi con chung: Ôn Thị Kim L, sinh ngày 07/6/2014. Anh Ôn Nhì S cấp dưỡng tiền nuôi con Ôn Thị Kim L 500.000đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ tròn 18 tuổi. Anh Ôn Nhì S được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

2- Về án phí: Anh Ôn Nhì S phải chịu 300.000đồng án phí DSST về yêu cầu ly hôn và 300.000đồng án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được tính cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015407 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B B. Anh S còn phải nộp 300.000đồng án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-VKSND huyện B.;
-THADS huyện B.B;
- Các đương sự;
-Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ PHƯỢNG